

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Tập 316**

**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**

**Chuyển ngữ: Hạnh Chơn**

**Biên tập: Minh Tâm**

**Thời gian: 04.03.2011**

**Địa điểm: Tịnh Tông Học Viện \_ Úc Châu**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem “Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 371, hàng thứ 7.

*Pháp Tạng thành Phật, hiệu A Di Đà. Thượng minh quốc độ thị y báo. Độ vi thân chi sở y, cố danh y báo. Phật thị năng y, cố danh chánh báo. Phật hữu tam thân. Nhất, pháp tánh thân, giản xưng pháp thân, cư thường tịch quang độ. Nhị, báo thân, cư thật báo trang nghiêm độ. Tam, ứng hoá thân, thường hiện phương tiện hữu dư cập đồng cư đẳng độ. Chúng ta xem qua đại ý giới thiệu một chút.*

Trong đạo tràng các vị đồng tu không cố định, có người đến trước người đến sau, nên khi giới thiệu không sao tránh khỏi sự trùng lặp, nhưng trùng lặp cũng là ưu điểm. Cổ nhân thường nói: “*Đọc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*”, chúng ta không thể trùng lặp đến 1000 lần, nhưng trùng lặp vài lần thì có. Ở đây chúng ta lại gặp tam thân của Phật. Tam thân này trên thực tế chỉ một vị Phật. Thân pháp tánh, gọi tắt là pháp thân. Pháp thân không có hình tướng. Chẳng những không có hiện tượng vật chất mà hiện tượng tinh thần cũng không. Đến hiện tượng tự nhiên cũng không có.

Vì sao gọi nó là thân? Vì nó thực có, chứ chẳng phải không có. Nhưng lục căn của chúng ta không tiếp xúc được. Nó không phải là hiện tượng vật chất, thì tiền ngũ căn của chúng ta không thể tiếp xúc. Ta nhìn không thấy cũng không nghe thấy được. Nghe không được mà tay cũng không chạm đến được. Nó không phải là hiện tượng vật chất, cũng không phải là hiện tượng tinh thần. Nên đệ lục ý thức cũng không duyên tới. Thức thứ sáu, bảy, tám đều không duyên tới. Nó không phải hiện tượng tự nhiên. Tám thức đều không duyên đến nó, nhưng nó tồn tại. Nó ở tại đâu? Ở thường tịch quang. Thường tịch quang là bản thể của tự tánh. Hay nói cách khác pháp thân Phật chính là thường tịch quang, thường tịch quang tức là pháp thân Phật. Nó là tự thể của tất cả pháp. Tất cả pháp là nó sở hiện sở sanh.

Trong kinh Hoa Nghiêm nói, tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Thường tịch quang tức là tâm, là chân tâm không phải vọng tâm. A lại da là vọng tâm. Chân tâm bất sanh bất diệt vĩnh hằng bất biến. Nên tướng mà nó hiện cũng không thay đổi, cũng là bất sanh bất diệt, chắc chắn không có

biến hoá. Vì sao nó hiện tướng? Trong kinh điển đại thừa Đức Phật thường nói “chúng sanh có cảm Phật liền có ứng”.

Đối với pháp thân Phật, nếu Bồ Tát trong cõi báo có cảm ngài liền hiện ở cõi báo, tức là cõi thật báo trang nghiêm. Cõi phương tiện có cảm ngài liền hiện ở cõi phương tiện. Cõi phương tiện là tứ thánh pháp giới Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, trong mười pháp giới. Chúng sanh trong cõi đồng cư có cảm ngài liền hiện ở cõi đồng cư. Ba ngàn năm trước ở thế giới này của chúng ta, Đức Thế Tôn xuất hiện tại Ấn Độ. Điều này chứng tỏ chúng sanh trên địa cầu này có cảm, địa cầu này là một bộ phận trong cõi phàm thánh đồng cư của Đức Thế Tôn. Cũng chính là nói lục đạo, lục đạo là cõi phàm thánh đồng cư.

Chúng sanh trong cõi đồng cư có cảm ngài liền ở trong cõi đồng cư hiện ứng thân, hoá thân, là ứng hoá thân. Đức Thế Tôn hiện thân bất cứ nơi nào, khi hiện thân nhất định là hiện thân đồng loại. 41 vị pháp thân đại sĩ trú trong cõi thật báo. Báo thân Phật ở trong cõi thật báo, chúng ta biết ngài hiện ra 41 thân khác nhau. Ở cùng với Sơ Trụ thì hiện thân Sơ Trụ, cùng với Thập Trụ thì hiện thân Thập Trụ. Nhất định hiện ra thân đồng loại, thân đồng loại rất nhiều. Đức Thế Tôn vì chúng ta mà giới thiệu chư vị Bồ Tát ở thế giới tây phương Cực Lạc. Vô lượng vô biên, không cách nào tính đếm được. Đức Phật ở đó giúp họ nâng cao cảnh giới, thông thường chúng ta nói là gia trì họ. Ở cõi phương tiện hay cõi đồng cư cũng đều như vậy.

Đặc biệt là cõi đồng cư, trong cõi đồng cư có lục đạo. Trong lục đạo Đức Phật đều hiện thân. Có trong cõi người, cần lấy thân gì để độ thoát thì ngài liền hiện thân đó. Cần lấy thân Phật để độ thoát ngài liền thị hiện thân Phật để độ. Cần lấy thân Bồ Tát để độ thoát ngài liền thị hiện thân Bồ Tát để độ. Cần lấy thân Tỳ kheo để độ thoát ngài liền thị hiện thân Tỳ kheo để độ. Cần lấy thân cư sĩ để độ thoát ngài liền hiện thân cư sĩ để độ. Nam nữ già trẻ, các ngành các nghề không có nơi nào mà Phật không hiện thân. Đây là sự thật.

Hiện thân, ngài không hiện rõ thân thể của mình nên chẳng ai biết. Đức Thế Tôn hiện thân Phật thì mọi người ai cũng đã biết, nếu ngài hiện thân bình thường như thân cư sĩ, thân trưởng giả thì không ai biết được ngài. Có một vị cư sĩ mà Đức Thế Tôn đặc biệt giới thiệu cho chúng ta, ông là ứng thân của Phật. Cùng trụ thế với Đức Phật là cư sĩ Duy Ma Cật. Là Phật hiện thân, pháp thân Phật hiện ra. Từ đó cho thấy, đại thừa là pháp bình đẳng. Phật pháp là thầy dẫn đường, thầy dẫn đường là lớn nhất. Chỉ cần có địa vị thầy giáo thì học trò phải nên tôn kính.

Nên đối với Phật giáo, chư vị nên quan sát tỷ mỉ, hành nghi trong suốt cuộc đời Thế Tôn. Chúng ta biết nó không phải là tôn giáo, mà là giáo dục. Đức Thế Tôn 30 tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ là bắt đầu dạy học. Ở trong vườn Lộc Uyển dạy năm anh em ông Kiều Trần Như. Năm người này xuất gia đều là thân thích của Đức Thích Tôn. Năm

đó vua cha của ngài phái mấy người cùng với Thế Tôn ra bên ngoài tham học. Đức Thế Tôn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài quan sát nhân duyên, thấy năm người này duyên đã thuần thực. Trước tiên tìm đến năm người này, năm người này xuất gia, do đó tăng đoàn đã chính thức kiến lập. Có Phật, có pháp, học trò của Phật chính là tăng, có tăng. Năm người này là tăng đoàn. Lúc này tam bảo đầy đủ. Về sau chúng xuất gia ngày càng đông, cư sĩ tại gia cũng ngày càng nhiều. Trong đó bao gồm cả quốc vương của 16 đại quốc của Ấn Độ đương thời, đều quy y Đức Thế Tôn, nương tựa Đức Thế Tôn làm thầy. Các pháp trong thế xuất thế gian đều đến thỉnh giáo với ngài.

Trong Phật giáo tôn kính thiên thần, nên trong đạo Phật có cúng thiên, vì tôn trọng thiên thần. Nhưng nghe giáo huấn của Chư Phật Bồ Tát, đến thiên thần cũng nghe theo giáo huấn của chư Phật Bồ Tát. Họ đều là đệ tử của Tam Bảo. Trong chúng đệ tử Phật, phước đức lớn được mọi người tôn kính, địa vị cao sang đó là quốc vương. Dòng dõi thiên vương, phước báo lớn. Do đó họ gánh vác trách nhiệm hộ pháp. Hộ trì Phật pháp, đẩy mạnh phong trào giáo dục Phật pháp. Một mặt là tự mình tu hành, mặt khác là đem Phật pháp giới thiệu đến mọi người. Nên Phật pháp có thể hưng thịnh một thời, có rất nhiều người hộ trì. Các đời đế vương có người hộ trì, có người không hộ trì.

Sau khi Phật diệt độ, các vị đệ tử ngài đã đi ra khắp mọi miền để truyền bá giáo huấn của Thế Tôn, tất cả đều là giáo hoá. Giáo hoá phải học như thế nào? Người khai sáng là tôn giả A Nan. Tôn giả A Nan kết tập kinh tạng, kinh tạng kết tập như thế nào? Trí nhớ của Ngài A Nan rất tốt, ngày nay chúng ta gọi là thần đồng. Trí nhớ của ngài rất tốt, nghe qua một lần vĩnh viễn sẽ không bao giờ quên.

Đương thời Đức Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp không có văn tự, không có ghi chép. Sau khi đức Phật diệt độ, mọi người nhận thấy giáo huấn của Thế Tôn cần phải được lưu truyền. Đây là trách nhiệm của hàng đệ tử, nên mới có pháp hội kết tập kinh điển. Bây giờ chúng ta gọi là hoạt động, có một hoạt động như vậy. Do tôn giả Đại Ca Diếp lãnh đạo. Đây là một vị đạo cao đức trọng trong hàng đệ tử. Ngài chủ trì pháp hội. Tôn giả A Nan đảm nhiệm tuyên lại lời dạy của Thế Tôn, đem tất cả những gì Đức Thế Tôn dạy trong suốt 49 năm tuyên nói lại một lần, có 500 A la hán làm chứng. Mọi người nghe xem tôn giả A Nan có nói sai chỗ nào không. Nếu trong 500 vị A la hán đó, có một người nói A Nan câu này hình như đức Phật không nói, thì câu đó lập tức bỏ đi, không được lưu truyền. Kết tập kinh tạng nghiêm khắc như vậy, là vì đặt niềm tin cho hàng hậu thế.

Những gì A Nan tuyên đọc thực sự chính là lời Phật dạy, có 500 vị la hán làm chứng cho ngài, là A Nan không hề nói sai. Không có thêm ý mình vào trong lời Phật dạy, cũng không bỏ sót những ý nghĩa trong lời Phật dạy. Thật không đơn giản. Ở trên thế gian này, từ xưa đến nay, đây là đại sự thù thắng bậc nhất. Sau khi kết tập, những kinh tạng này được hàng đệ tử đi khắp nơi truyền bá. Có một vài nơi truyền bá mấy

trăm năm thì không còn nữa. Cũng có nơi ba bốn trăm năm, năm sáu trăm năm, bảy tám trăm năm thì bị tiêu diệt. Hoàn toàn là do phước báo của chúng sanh, nhân duyên của chúng sanh. Duy nhất truyền đến Trung Quốc, nhánh này mọc rễ ở Trung Quốc, đến bây giờ đã gần 2000 năm. Kinh điển phiên dịch sang chữ Hán, những phiên dịch này đáng tin chăng? Có sai lầm không?

Huyền Trang đại sư lúc còn tại thế, cũng vì vấn đề này mà phải đích thân đến Ấn Độ. Ở Ấn độ 17 năm, ngài khẳng định những gì các bậc cổ đức dịch là đúng. Ngài Huyền Trang thực sự là vì xác minh kinh điển phiên dịch đúng hay sai mà đến Ấn Độ. Khi trở về Trung Quốc, từ việc tổ chức phiên dịch với quy mô lớn. Trong số những vị pháp sư phiên dịch này, Huyền Trang đại sư là người dịch với số lượng nhiều nhất. Trước thời ngài Huyền Trang gọi là cựu dịch, bắt đầu từ ngài Huyền Trang trở về sau gọi là tân dịch. Nên trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, dịch kinh được xưng là tân dịch và cựu dịch. Chúng ta hiểu rõ những lịch sử này, đối với Phật Giáo có nhận thức chính xác, cũng biết Phật giáo là giáo dục, là dạy học.

Sau khi truyền đến Trung Quốc. Các bậc đế vương của Trung Quốc phái sứ giả đến Tây Vực đánh lễ và thỉnh về Trung Quốc. Nên sau khi Ma Đằng, Trúc Pháp Lan đến Trung Quốc được phong làm quốc sư, đế vương quy y Tam Bảo. Xưng làm quốc sư, kiến lập chùa chiền cho họ. Chùa là nơi làm việc của các vị Quốc sư này.

Trung Quốc thời cổ đại, chế độ của nhà Hán. Những đơn vị này trực thuộc dưới quyền quản lý của vua, được gọi là tự. Thuộc quyền quản lý trực tiếp của vua. Còn những cơ cấu việc làm thuộc quyền quản lý của Tể tướng gọi là bộ.

Tự là thiết lập vĩnh cửu không được phế bỏ. Bộ có thể tăng giảm, có thể phế trừ. Trưởng quan của tự gọi là khanh, nên dưới hoàng đế có chín đơn vị được gọi là cửu khanh. Bây giờ đến Bắc Kinh đi tham quan, đến viện bảo tàng Cố Cung là có thể nhìn thấy. Trong Cố Cung còn có văn bia ta có thể xem thấy. Như trong kinh thường nhắc đến Hồng Lô tự, trong Cố Cung cũng có. Thực sự có tấm bia của Hồng Lô tự. Hồng Lô tự quản lý điều gì? Quản lý việc ngoại giao. Ngày xưa đối với việc giao tế bên ngoài do vua trực tiếp quản lý, chứ không phải Tể tướng quản. Nên Hồng Lô Tự Khanh hiện nay chính là bộ trưởng ngoại giao.

Phật giáo truyền đến Trung Quốc cũng được gọi là tự, sắp ngang hàng bình đẳng với chín đơn vị của Hoàng đế. Nhưng vị trụ trì trong chùa, gọi họ là trụ trì chứ không gọi là khanh, không xưng khanh. Đây là đối với Phật giáo đặc biệt tôn trọng. Nên phải biết rằng, danh xưng tự này là cơ quan làm việc của chính phủ, nó không phải là tôn giáo. Điểm này nhất định phải hiểu rõ.

Ngày xưa Trung Quốc cũng có Tôn giáo, nhưng tôn giáo không gọi là tự. Như Đạo giáo, đạo tràng của họ gọi là cung, quán, chứ không gọi là tự. Còn tế thần, thần gọi là

miếu. Nên Hoàng đế có thái miếu. Nơi kỷ niệm tổ tiên, kỷ niệm thiên thần thì đều gọi là miếu. Nó được phân biệt rất rõ ràng. Bây giờ danh từ tự này vẫn còn, nhưng nó đã biến chất. Nó biến thành bình đẳng với đạo, quán và thần miếu. Ý nghĩa hình như mọi người đều cùng một khái niệm, đều mơ hồ như nhau. Cho rằng đây là đoàn thể tôn giáo.

Ngày xưa khi Phật giáo vừa truyền đến, trong chùa làm công tác gì? Thứ nhất là phiên dịch kinh điển, giống như nhà biên dịch của quốc gia vậy. Thứ hai là chỉ đạo tiến tu, đó chính là nhà trường. Kinh điển phải giảng giải thì lên lớp học. Sau khi học rồi làm thế nào để đem lý luận, phương pháp, kinh nghiệm trong kinh điển thực hành trong cuộc sống thực tế. Đây là dạy học, là giáo dục, là nhà trường. Đây là nền giáo dục rất đặc biệt. Giáo dục chánh quy do Hán Vũ Đế kiến lập là lấy Khổng Mạnh làm chủ, còn chư tử bách gia thì được lựa chọn. Quốc gia này có cơ cấu quản lý, trong thời cổ gọi là bộ lễ. Đây là bộ thứ nhất dưới quyền Tể tướng.

Bộ lễ thượng thư chính là bộ trưởng giáo dục, thị lang chính là thứ trưởng. Nó có tả hữu hai vị thị lang, nghĩa là có hai vị thứ trưởng. Như ngày nay nói, một người là chánh vụ thứ trưởng, một người là thường vụ thứ trưởng, tức là hai vị thứ trưởng. Tể tướng khi bận công việc nên không thể chấp sự, thì lễ bộ thượng thư thay thế. Từ những chế độ ngày xưa này, quý vị quan sát tỷ mỉ mới thấy rằng, trong truyền thống chính trị Trung quốc đã đem giáo dục xếp ở vị trí hàng đầu. “*Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên*”. Nói cách khác, toàn bộ chính trị là vì để phục vụ cho giáo dục. Nền trị an lâu dài của quốc gia này, xã hội này trong mấy ngàn năm là nhờ có nền chính trị vì giáo dục này. Điều này chúng ta không thể không biết.

Còn chính phủ hiện nay, nhà Thanh mất nước đến cận đại này. Xã hội cận đại trên toàn thế giới, không còn bàn đến giáo dục nữa. Dem kinh tế, của cải xếp lên vị trí đầu tiên. Tất cả đều là vì phục vụ cho kinh tế, cho của cải. Giáo dục cũng trở thành vị họ mà phục vụ. Mạnh Tử nói rất hay, lợi là điều mà con người nhất định tranh dành. Dem lợi ích đặt ở hàng đầu, tất cả vì lợi mà phục vụ. Đây là văn hoá của người tây phương, cạnh tranh. Cạnh tranh mà cao hơn nữa là đấu tranh. Đấu tranh cao hơn nữa là chiến tranh. Đây là một con đường huỷ diệt, còn giáo dục là đường sống.

Quý vị xem Mạnh Tử gặp Lương Huệ Vương. Lương Huệ Vương thời đại Xuân Thu Chiến Quốc, cũng coi trọng danh lợi. Tuy giáo dục không sơ suất, nhưng đã rất coi trọng lợi. Mạnh tử nói với Lương Huệ Vương “*thượng hạ giao chinh lợi, kỳ quốc nguy hỹ*”. Thượng là quân vương, hạ là nhân dân. Mọi người đều tranh lợi thì quốc gia này sẽ nguy hiểm. Bây giờ chúng ta thấy trên địa cầu này có quốc gia nào không tranh lợi? Quốc gia nào không đem lợi ích đặt ở hàng đầu? Nên trên thế giới này người có chí, các nhà khoa học và các nhà triết học đưa ra cảnh cáo: “Nếu không thể khắc chế dục vọng của chính mình, cứ để nó phát triển không hạn chế, thì thế giới này cuối cùng cũng bị

huỷ diệt”. Đây là lời chân thật. “*Thượng hạ giao tranh lợi, địa cầu nguy hiểm*”. Đây không phải là quốc gia, mà địa cầu gặp nguy hiểm. Toàn bộ địa cầu đều biến thành như vậy.

Nhân nghĩa đạo đức không còn. Giáo dục của người xưa dạy điều gì? Giáo dục của Khổng Mạnh chính là dạy nhân nghĩa giúp xã hội đương đại và xã hội trên toàn thế giới thật sự có thể quay đầu, có thể hướng thiện.

Thập niên 70, tiến sĩ Thang Ân Ty người Anh là người đầu tiên đề xuất. Ý ông ta nói, cứu vãn vấn đề xã hội của thế kỉ 21 chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Phật pháp đại thừa. Học thuyết Khổng Mạnh nói về điều gì? “*Khổng viết thành nhân, Mạnh viết thủ nghĩa*”, “*Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hỷ*”. Chúng ta thực hành hai câu nói này, thì vấn đề xã hội trên thế giới thật sự có thể giải quyết.

“*Nhân giả ái nhân*” là Khổng Tử đề xuất. Nghĩa là nói về lý. Hợp tình, hợp lý, hợp pháp. “*Nghĩa giả tuần lý*”. Con người có thể yêu thương con người, con người có thể nói lý lẽ, xã hội sẽ êm ấm. Xã hội ngày nay, người đông phương lãng quên giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Người tây phương lãng quên giáo dục tôn giáo. Đại khái khoảng 200 năm nay, mới tạo thành hiện tượng này. Không thể trách bất cứ ai. Ở đây có nguồn gốc lịch sử, là vấn đề của nhiều thời đại. Nên dùng đạo trung thứ của Khổng Tử để giải quyết vấn đề này chắc sẽ có hiệu quả.

Trung là gì? Trung là thành ý, là chân thành. Trong Phật pháp đại thừa gọi là chân thành. Thứ là tha thứ. Vì không tiếp thu giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả. Nên họ có rất nhiều vấn đề như suy nghĩ sai lầm, làm việc sai lầm. Bất luận là làm việc sai thế nào, tạo tội nghiệp nhiều đến đâu thì cũng nên tha thứ cho họ, không nên truy cứu nữa. Trong Luận Ngữ nói “*thành sự bất thuyết*”, quá khứ cũng đã qua rồi. “*Toại sự bất gián, ký vãng bất cứu*”. Bất luận là làm việc gì cũng không truy cứu, cũng không dùng hình để xử phạt. Hy vọng từ nay về sau, học tập tốt giáo dục luân lý đạo đức nhân quả, như vậy là tốt. Nếu ta truy cứu, những người làm việc sai trái này họ không cam tâm chịu phạt. Họ cùng nhau đoàn kết lại thì xã hội sẽ động loạn, nhất định phát sanh chiến tranh. Nên tất cả những việc sai lầm trong quá khứ không nên truy cứu.

Trong kinh Vô Lượng Thọ Đức Thế Tôn nói mấy câu về tình huống xã hội hiện nay. “*Tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã*”. Tại sao không nên trách cứ người hiện tại? vì người đi trước của họ vô tri. Cha mẹ họ không có tiếp nhận nền giáo dục. Nếu truy cứu những người đi trước thì ông bà họ cũng chưa tiếp nhận, thậm chí ông bà cố của họ cũng không tiếp nhận giáo dục, ông bà cao tổ của họ cũng không hiểu. Nếu tiếp tục truy cứu thì ít nhất cũng truy cứu đến bảy tám đời. Truy cứu tiếp đến 200 năm trước, thời đó đã sơ suất việc giáo dục. Làm sao có thể trách người bây giờ? Nên thông cảm và khơi dậy tâm lành của họ.

Ngày nay không phải nơi nào phát sanh vấn đề, mà tâm của con người có vấn đề, tâm con người hư hoại. Trong Phật pháp nói chánh niệm, chánh tư duy nay không còn nữa. Toàn là tà niệm, tà tư duy. Đã biến thành như vậy thì không nên truy cứu nữa. Nên tha thứ cho họ, nên thương xót họ, vì không phải là sai lầm của họ. Sai lầm này là do lịch sử tạo thành, bây giờ chỉ cần quay đầu là được. Quay đầu là bờ, việc trong quá khứ không nên truy cứu. Xã hội sẽ an ổn và phục hồi trở lại bình thường. Điều này phải dựa vào giáo dục, nhất định phải dùng phương pháp dạy học.

Tôi kiến nghị những vấn đề này, nghĩ đến những vấn đề này cũng đã hai ba mươi năm nay rồi. Tôi thấy một vài quốc gia rất động loạn, không ổn định. Lãnh đạo của họ cũng từng nói chuyện qua với tôi, hy vọng xã hội an định, xã hội phồn vinh. Nhưng khi đưa ra vấn đề, ông ta luôn đem xã hội phồn vinh để lên hàng đầu, đem xã hội an định để lên hàng thứ hai. Đưa ra hai vấn đề này cũng xem là không tệ. Tôi nói với ông ta, xã hội phồn vinh nên đứng hàng thứ hai, an định mới là thứ nhất. Nếu đã an định, thì các xí nghiệp trên toàn thế giới đều muốn đến đầu tư, giúp kinh tế xã hội ngày càng phát triển.

Vì sao người ta không dám đến? Vì xã hội không an định, nên mọi người không dám đến. Nên xã hội an định đặt ở hàng đầu mới đúng. Nếu đem của cải đặt lên hàng đầu, chắc chắn xã hội sẽ động loạn. Mà còn tạo thành nhiều tệ nạn, cuối cùng không cách nào thu phục được. Giáo dục dạy điều gì? Phải tìm lại giáo huấn của tổ tông, rất lợi ích. Ngạn ngữ xưa có câu, không nghe lời người lớn, thiệt thòi ngay trước mắt. Giáo huấn của thánh hiền, giáo huấn của Chư Phật Bồ Tát, giáo huấn của các bậc thánh trong tôn giáo rất hữu ích. Vì thế quốc gia nên có một đội ngũ, nhân số không cần nhiều, năm sáu mươi người là đủ. Bồi dưỡng những vị thầy này. Họ chuyên dạy về luân lý, về đạo đức, về nhân quả, về giáo dục tôn giáo. Mỗi ngày trên đài truyền hình. Đài truyền hình chuyên môn dành một hai kênh, phát sóng suốt 24 tiếng đồng hồ về vấn đề này. Tôi tin rằng số người nghe sẽ rất đông. Dùng cách này để giáo dục con người trong xã hội, thì một năm xã hội sẽ an định, thiên hạ sẽ thái bình. Kiến nghị này của tôi có đề xuất ở Liên hiệp quốc. Bản nháp này của tôi vẫn còn, trong này đều có. Đáng tiếc không có người thực hành. Trừ phương pháp này ra, thì nghĩ không ra phương pháp nào tốt hơn nữa.

Suy nghĩ này của chúng tôi là có căn nguyên, không phải tự mình suy nghĩ lung tung. Trong “Lễ Ký. Học Ký” của các bậc thánh hiền có câu: “*Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên*”. Tôi thêm vào đó một câu: “*Kiến quốc quân dân, tu thân vi bản, giáo học vi tiên*”. Chỉ cần năm sáu mươi vị thầy giáo, là có thể cứu được quốc gia, có thể cứu được thế giới. Không phải là việc khó. Mọi người nghe rồi cảm thấy có lý cũng rất thích, nhưng không dám tin tưởng. Điều này thật có thể làm được chăng? Chúng tôi cũng vì vấn đề này mà đã làm thí nghiệm.

Năm 2006, năm 2007, năm 2008. Ba năm này, chúng tôi chọn tiểu trấn Thang Trì Lô Giang An Huy làm thí nghiệm. Làm đã thành công. Báo cáo rất tường tận ở Liên hiệp quốc. Giáo huấn của người xưa đối với xã hội ngày nay rất hữu ích, vô cùng hữu ích. Một số người đời không tin, nhưng đệ tử Phật tin. Đệ tử Phật học qua giáo dục nhân quả. Thiện nhân được thiện quả, ác nhân bị ác báo, nhân quả báo ứng không sai chút nào. Đây là thật không phải giả.

Từ xưa đến nay các bậc đại thánh đại hiền trên thế giới, hầu như đều là suốt đời phụng hiến cho việc giáo dục. Thế Tôn và chư Phật Bồ Tát tái sinh, vì chúng ta thị hiện suốt đời làm việc giáo dục. Quý vị thấy cuộc đời Đức Phật, từ 30 tuổi bắt đầu dạy học, đến 79 tuổi niết bàn. Suốt 49 năm không hề gián đoạn ngày nào. Không nghỉ ngày nào, không có. Hàng ngày đều dạy. Học sinh từ khắp nơi đến, không phân biệt quốc gia, không phân biệt chủng tộc, cũng không phân biệt tín ngưỡng, ngài đều không bài xích. Điều này trong kinh điển chúng ta đều nhìn thấy.

Kinh Địa Tạng mọi người đều đọc rất thông thuộc, Bà la môn nữ là người của Bà la môn giáo. Biến Hành ngoại đạo trong kinh Hoa Nghiêm. Đều là thầy truyền giáo của tôn giáo. Đức Phật không yêu cầu họ sửa đổi tôn giáo, mà chỉ giúp họ giải quyết vấn đề. Nói với họ về chân tướng của nhân sinh vũ trụ, chân tướng của các pháp. Suốt 49 năm thuyết pháp Đức Phật đã nói những gì? Nói về chân tướng của nhân sinh vũ trụ. Hiểu rõ chân tướng thì vấn đề sẽ được giải quyết. Chân tướng chưa thấu triệt, chắc chắn tạo nên nhiều điều phiền phức.

Ngài Di Đà lấy tam thân để giúp tất cả chúng sanh. Chúng sanh cũng phân làm ba bậc thượng trung và hạ. Nghĩa là thế nào? Đây là phân chia trình độ. Thượng căn, trung căn và hạ căn. Thượng căn thì hiện báo thân. Trung căn, hạ căn thì hiện ứng hoá thân. Hiện thân khắp mọi nơi.

Dưới đây nói: *“Hựu Phật chi tam thân, thật phi nhất phi tam, nhi tam nhi nhất. Như y tam điểm, bất tung bất hoành, bất tịnh bất biệt, bất khả tư nghì.”*

Một là ba, ba là một. Trong cảnh giới này, bản năng của con người đã hoàn toàn hồi phục. Trong kinh đức Phật nói thần thông, xã hội ngày nay gọi nó là công năng đặc biệt. Nhưng không biết rằng công năng đặc biệt này là bản năng của mỗi người. Vì sao Đức Phật biết nhiều như vậy? Ba ngàn năm trước ngài đã nói cho chúng ta biết, hiện tượng vật chất cuối cùng là gì. Hiện tượng tinh thần là gì. Hiện tượng tự nhiên là gì. Trong kinh điển của Pháp tướng tông nói đến rất nhiều.

Trải qua 3000 năm, ngày nay các nhà vật lý học đã chứng minh. Từ trong toán học họ có được thông tin. Máy móc tiên tiến tối cao của khoa học đã đo lường, quan sát và thật sự đã phát hiện. Những gì họ phát hiện hoàn toàn giống như trong Kinh đức Phật nói. Điều này đã chứng minh rằng trong kinh điển đại thừa có khoa học tối cao, có triết



học tối cao. Thời Đức Phật không có những máy móc này, cũng không có những toán học cao thâm như vậy. Nhưng làm sao ngài biết được? Đó là bản năng.

Ngày nay chúng ta xem sao gọi là Phật? Chữ Phật này có ý nghĩa gì? Đây là từ phạn văn phiên dịch ra, là dịch âm. Phật đà da là dịch âm, sau đó mới giải thích thêm. Nó hàm rất nhiều nghĩa. Ngày xưa tìm không ra văn tự thích đáng để sử dụng, nên khi phiên dịch đã tạo ra một chữ. Chữ phát bên cạnh không có chữ nhân, thì chữ này trong chữ Hán có. Vì nó là một người, âm này với âm chữ Phật tương đương, nên tạo ra một chữ mới. Khi phiên dịch kinh Phật tạo ra không ít từ mới. Đem nó phiên dịch thành trí tuệ, giác ngộ. Như vậy Phật có nghĩa là gì? Là người có trí tuệ viên mãn. Là người biết rõ ràng tất cả pháp trong vũ trụ. Ngài là giác mà không mê. Là bậc đại trí tuệ, bậc đại giác ngộ. Nên điện Phật nơi để chúng ta lễ bái gọi là đại hùng bảo điện, cũng gọi là đại giác điện\_Đại giác.

Đức Phật dạy, mỗi chúng sanh đều có đại trí đại giác. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Trí tuệ, năng lực của chúng ta. Đức là năng lực. Tướng hảo của chúng ta là bình đẳng, không hề khác biệt với tất cả chư Phật Như Lai. hiện nay tại sao lại trở thành như vậy? Một câu nói đã nói lên tất cả ý nghĩa, vì dùng vọng tưởng phân biệt mà không thể chứng đắc. Trong kinh Hoa Nghiêm đã nói như vậy. Chúng ta ngày nay có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nên trí tuệ và năng lực đều mất hết. Nói cách khác, nếu chúng ta buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì năng lực chẳng phải đã phục hồi rồi ư? Vấn đề không phải đã giải quyết rồi sao? Nên tu hành trong Phật pháp không có gì khác, ngoài việc nhìn thấu và buông bỏ. Nhìn thấu là trí tuệ, buông bỏ là công phu. Buông bỏ chính là tu hành. Kinh điển đại thừa nói, buông bỏ chấp trước đối với tất cả pháp thế và xuất thế gian, thì sẽ chứng quả A la hán. Buông bỏ phân biệt, phân biệt là trần sa phiền não. Chấp trước là kiến tư phiền não. Buông bỏ chấp trước chúng ta là Bồ Tát. Buông bỏ vọng tưởng, vọng tưởng là vô thi vô minh, như vậy chúng ta sẽ thành Phật.

Trong Phật pháp tu tập có tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Nhưng chỉ có một nguyên tắc duy nhất là buông bỏ. Ngày nay chúng ta bị điều gì giữ chặt? Chính là không buông bỏ được. Không buông bỏ được thì trên đường đạo từng bước khó đi. Nếu có thể buông bỏ chấp trước, kiến tư phiền não đã đoạn. Quý vị mở cuốn kinh này ra xem, từng chữ từng câu đều rất thấu triệt. Không cần học, mà tự nhiên thông đạt. Là bản năng đấy, ta vốn có trí tuệ mà. Trí tuệ của ta tuy chưa hiển lộ, chỉ hiển lộ được một ít. Vì ba loại phiền não ta mới đoạn một loại. Nếu có thể đoạn trần sa phiền não, không còn phân biệt thì năng lực trí tuệ nâng cao. Những gì ta hiểu được còn nhiều hơn a la hán, A la hán không bằng ta. Cuối cùng nếu có thể phá trừ vô minh, không khởi tâm không động niệm. Ta xem kinh này từng câu từng chữ có vô lượng vô biên nghĩa lý. Có cần người giải thích chăng? Không cần.

Ngài Huệ Năng đã chứng minh điều này cho chúng ta. Lục tổ của Thiên tông thời nhà Đường, không biết chữ, chưa từng đi học, cũng chưa từng nghe kinh. Đến Hoàng Mai ở tám tháng, chưa một lần đến giảng đường, chưa một lần đến thiền đường. Suốt tám tháng đều ở dưới bếp để giã gạo bữa củi, bây giờ gọi là làm công quả. Nửa đêm canh ba Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn truyền pháp cho ngài, giảng cho ngài nghe đại ý Kinh Kim Cang. Tôi nghĩ thời lượng nhiều nhất khoảng hai tiếng đồng hồ. Suốt một đời ngài chỉ nghe kinh hai tiếng mà đã khai ngộ. Vì sao khai ngộ? Ngài buông bỏ, quả thật đáng nể. Trong một chốc ngài đã buông bỏ kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Đốn xả, đốn ngộ, đốn siêu, ngài đã thành Phật. Quý vị xem sau khi buông bỏ, ngài không biết chữ, nhưng đem tất cả kinh tạng đọc cho ngài nghe, ngài đều có thể giảng cho ta nghe. Nghe ngài giảng sẽ thấy ngài đã thật sự đã khai ngộ. Nghe người khai ngộ nói ta cũng dễ khai ngộ. Người chưa khai ngộ nói, làm sao ta khai ngộ được?

Điều này khiến chúng ta nghĩ đến, vì sao chư Phật Như Lai lại sáng suốt như vậy. Đối với những điều bí mật trong vũ trụ, các ngài đều hiểu rõ ràng như vậy. Là do bản năng của tự tánh chư không phải học từ bên ngoài. Vấn đề là chỉ cần buông bỏ tập khí phiền não, thì trí tuệ đức năng tướng hảo trong tự tánh đều phục hồi được hết. Đây gọi là thành Phật. Buông bỏ chính là tu hành, nhìn thấu chính là trí tuệ chân thật. Ngày nay chúng ta vì sao không buông bỏ được? Nhìn chưa thấu triệt. Vì sao nhìn không thấu triệt? Vì chưa buông bỏ. Nhìn thấu và buông bỏ là hỗ tương để thành tựu. Nhìn thấu giúp ta buông bỏ, buông bỏ lại giúp ta nhìn thấu. Từ sơ phát tâm đến Như Lai địa đều là phương pháp này. Bất luận pháp môn nào, nguyên lý nguyên tắc chính là buông bỏ và nhìn thấu. Nếu trái ngược với nguyên lý nguyên tắc này là sai, học gì cũng không thể thành tựu.

Khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư đã dạy cho tôi phương pháp này. Lúc đó tôi lý giải chưa được thấu triệt. Thầy nhắc nhở tôi, biết được bao nhiêu thì buông xả bấy nhiêu. Buông xả giúp ta tiến bộ, khiến ta biết được càng nhiều. Không ngừng nhìn thấu, không ngừng buông xả. Sáu mươi năm tu hành của tôi đã chứng minh lời thầy nói không sai chút nào.

Hôm nay ngày 4 tháng 3 là ngày huý của Chương Gia đại sư. Lúc ngài vãng sanh nhằm ngày 4 tháng 3. Hơn 50 năm, ngài vãng sanh hơn 50 năm rồi. Tôi theo đại sư ba năm. Năm đó tôi 26, 27, 28 tuổi theo đại sư. Tôi được 29 tuổi thì đại sư vãng sanh.

Đoạn kinh này là nói về năng lực của Đức Phật. Ở đây hình như có chút thần thoại, nhưng nó không phải là thần thoại. Loại công năng đặc biệt này mỗi người đều có. Chỉ là ta bây giờ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên năng lực này mất đi. Mất là tạm thời mất đi, khi nào ta có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì năng lực này lập tức trở lại. Đây chính là sáu loại thần thông mà trong đạo Phật nói. Thông là

thông đạt vô ngại. Thần là thần kỳ, là không thể nghĩ bàn. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật dạy, mắt của chúng ta có thể thấy toàn thể vũ trụ.

Ngày nay giới khoa học, là các nhà vật lý học đều đi đến hai cực đoan. Một là nghiên cứu hồng quan vũ trụ. Một cái thì ngược lại, nghiên cứu lượng tử lực học của vi quan thế giới. Đều có thành tựu huy hoàng, đã chứng minh những điều trong kinh Phật nói. Đức Phật không cần máy móc, ngài trực tiếp nhìn thấy. Đức Phật tượng trưng cho chúng ta. Nếu chúng ta buông bỏ tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì chúng ta cũng giống như Phật. Chúng ta nhìn ra xa cũng có thể nhìn thấy vũ trụ, toàn thể vũ trụ đều nhìn thấy. Nhìn vào trong vi trần, có thể thấy được lượng tử lực học, nhìn thấy lượng tử. Có thể nhìn thấy vật chất hình thành ra sao, tinh thần biến hiện như thế nào. Ta nhìn thấy hết, còn rõ ràng minh bạch hơn những gì giới khoa học nói.

Thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu kinh Phật cho tôi, nói với tôi triết học trong kinh Phật là đỉnh cao của triết học trên toàn thế giới. Tôi học triết học với thầy nhưng rồi đã đến với Phật pháp, không phải đến từ mê tín.

Ngày nay chúng ta đều biết, kinh điển của đại thừa chẳng những là đỉnh cao của triết học, đồng thời còn là đỉnh cao của khoa học. Những phát hiện mới nhất của các nhà khoa học thời cận đại, đều trong kinh điển đại thừa. Chúng ta thấy rồi đều sanh tâm hoan hỷ. Xu thế này khiến chúng ta có thể khẳng định, hai ba mươi năm sau, Phật giáo ở thế gian này được khoa học khẳng định, nó là khoa học tối cao và triết học tối cao. Có thể đến lúc đó, con người sẽ không xem Phật giáo là tôn giáo nữa. Nó có thể thoát ly tôn giáo.

Bản năng có thể tùy ý hoá thân, có thể biến hoá vô cùng, vượt ra ngoài thời gian và không gian. “*Hựu hoá thân hữu nhị*”, có hai loại hoá thân. “*Tức thị hiện bát tướng thành đạo chi thân*”. Đây là loại thứ nhất. Tướng này là Đức Thế Tôn thị hiện khi tại thế. Loại thứ hai là “*ứng hiện hoá thân*”. Không nhất định. “*Ứng chúng sanh cơ nhi hiện thắng ứng hoặc liệt ứng chi thân*”. Đây đều là thật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong tám tông của đại thừa ở Trung quốc, lịch đại chư vị tổ sư đều là Chư Phật hoá thân đến. Ứng hoá đến, Bồ Tát ứng hoá đến, A la hán ứng hoá đến. Đặc biệt là tham dự công việc phiên dịch. Nên Kinh Phật ở Trung Quốc sao lại dịch hay đến như vậy?

Giáo sư Phương Đông Mỹ nói với tôi. Lúc mới học tôi cũng hoài nghi, nhưng tôi hoài nghi có lý do. Chúng ta tùy tiện cầm một bài văn cổ, bài văn này không dài, ý nghĩa chúng ta đều có thể hiểu. Chúng ta nhờ hai ba người phiên dịch, dịch thành văn bạch thoại lại không giống nhau. Kinh Phật dịch thành chữ Hán cũng giống như tình trạng này. Quý vị xem, Kinh Vô Lượng Thọ từ thời nhà Hán đến nhà Tống là 800 năm, phiên dịch 12 lần. Kinh Vô Lượng Thọ có 12 bản dịch. Nhưng đáng tiếc trong đó có 7 bản thất truyền không tìm thấy, chỉ lưu lại năm bản. Hiện nay trong Đại Tạng Kinh chỉ thu thập được năm bản, nhưng năm bản kinh Vô Lượng Thọ không giống nhau.

Nếu là một bản, ví dụ như kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang hiện nay trong Đại Tạng Kinh cất giữ được sáu bản không giống nhau. Quý vị xem, có chỗ giống có chỗ không giống nhưng ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Văn tự ngôn ngữ không tương đồng. Nhưng bộ kinh này rất kỳ lạ. Trong bộ kinh này phần quan trọng nhất chính là 48 nguyện của Phật A Di Đà. Trong năm bản dịch này có hai bản nói đến 48 nguyện, hai bản nói đến 24 nguyện, và một bản nói đến 36 nguyện. Đây là điều không thể phát sinh sai lầm. Tại sao lại có sai biệt lớn như vậy? Nên các bậc cổ đức phán đoán, Đức Thế Tôn lúc còn tại thế giảng kinh Vô Lượng Thọ ít nhất phải ba lần. Ngài A Nan kết tập kinh điển hoàn toàn y theo những gì Đức Phật thuyết. Nên Kinh Vô Lượng Thọ có ít nhất ba bản bất đồng, còn bảy loại thất truyền thì không biết. Nếu bảy loại thất truyền đều tìm được, có thể còn có sự bất đồng. Chứng minh bộ kinh này khi Thế Tôn còn tại thế tuyên giảng nhiều lần. Như vậy là sao? Nói lên rằng bộ kinh này rất quan trọng.

Lúc Đức Phật còn tại thế giảng kinh chỉ giảng một lần, không giảng lần thứ hai. Duy nhất bộ kinh này xuất hiện hiện tượng này, vì nó đặc biệt. Nên đối với vấn đề phiên dịch tôi có hoài nghi. Thầy Phương nói với tôi. Ở Trung quốc phiên dịch kinh có tổ chức rất lớn, như dịch trường của Ngài Cư Ma La Thập, toàn bộ nhân viên làm việc hơn 400 người. Dịch trường của Ngài Huyền Trang có 600 người. Những người có đức hạnh, có tu dưỡng, các vị cao tăng trong nước thời nhà Đường, đều vào dịch trường để tham gia công tác này. Thầy Lý nói với tôi, trong đây thật sự có Phật, có Bồ Tát, có A la hán. Những bậc thánh giả này địa vị thấp nhất là tam quả A na hàm. Nên thầy Phương Đông Mỹ nói, lúc thầy hơn 40 tuổi, là lúc tôi học với thầy. Hoàn toàn dùng con mắt triết học để nhìn Phật giáo, nhưng thầy rất khâm phục cách phiên dịch của người Trung quốc. Chẳng những ý không dịch sai, mà khi dịch thành văn tự còn trau chuốt hơn cả nguyên văn tiếng phạn. Điều này chính là nói, kinh Phật bằng chữ Hán có thể thay tiếng phạn, không cần dùng phạn văn nữa, rất khí khái! Không như người Trung quốc hiện nay, cái gì cũng đồ ngoại tốt. Đó là người Trung quốc tự phụ.

Cho nên một số lớn kinh điển phạn văn ở Trung quốc đã thất truyền. Tôi cảm thấy việc này rất kỳ lạ. Tại sao không bảo tồn nó mà để nó thất truyền? Thầy nói tôi không hiểu người xưa. Chúng ta phiên dịch có thể thay thế nó, còn tốt hơn. Ý không sai, văn tự còn trau chuốt hơn. Nói cách khác, không cần dùng Phạn văn. Tôi từng đem cách nhìn của thầy Phương nói với thầy Lý. Thầy Lý gật đầu, ông nói thầy Phương không biết trong dịch trường có Bồ Tát tái sanh, có Phật tái sanh, có A la hán tái sanh. Điều này chứng tỏ người xưa có phước, người ngoại quốc không có phước. Vì sao? Không phải Phật thiên vị người Trung quốc. Vì người Trung quốc có hiếu để trung tín, có lễ nghĩa liêm sĩ. Đây là do đức hạnh chiêu cảm nên, người ngoại quốc không có đức hạnh này. Chư Phật Bồ Tát không có thiên vị, không có tâm riêng tư.

Ấn Quang đại sư nói, đối với việc học Phật là dựa vào tâm thành kính, chân thành, cung kính. Có một phần chân thành cung kính, đạt được một phần lợi ích. Có mười

phần chân thành cung kính sẽ đạt được mười phần lợi ích. Điều này không sai chút nào. Chúng ta cùng học một bộ kinh, cùng đọc một bộ kinh. Có người học rất tốt, nhưng có người thành tích rất tệ. Thử tỷ mỷ quan sát xem nguyên nhân ở đâu? Người thành tích tốt là nhờ cung kính chân thành. Người thành tích không tốt họ rất tùy tiện, thành kính của họ rất nhạt nhẽo. Thật sự có thể nhìn thấy được, chứng minh lời của Ấn Quang đại sư nói không sai. Nên chúng ta có thể khẳng định, học thuật của thế và xuất thế gian đều phải dựa vào hai chữ này. Nếu có mười phần thành kính, như vậy rất tốt nhất định mỗi ngành đều xuất trạng nguyên, không có cái gì học không tốt.

Người thiếu tâm thành kính, dù cho chư Phật Bồ Tát dạy, hay thánh nhân dạy cũng không dạy được. Vì sao? Vì ta không thể tiếp thu. Thành kính có thể tiếp nhận. Thật sự có thể hấp thụ, mới thật sự có thể đạt được dinh dưỡng phong phú của nó. Câu nói này của Ấn Quang đại sư ở trong “Văn Sở”, lặp đi lặp lại rất nhiều lần, nên để lại cho chúng ta ấn tượng rất sâu sắc. Từ đó cho thấy, học hành không phải ở chỗ thầy giáo. Mặc dù thầy giáo không tài giỏi, nhưng tự mình có tâm chân thành thì thành tựu chắc chắn vượt qua thầy. Toàn bộ là do cá nhân của mỗi người. Đây là sự thật.

Thầy giáo giỏi dạy một đời, nhưng người thật sự có thể nối nghiệp thầy giáo thì không được mấy người. Nguyên nhân gì? Chính là xem học trò có tinh thần kính trọng nghề này không. Người bây giờ gọi tinh thần kính trọng nghề nghiệp, chính là thành kính mà Ấn Quang đại sư nói. Có hay không có mười phần thành kính. Nên Phật Bồ Tát ứng thân là tùy theo tâm của chúng sanh, tự nhiên mà có các ứng hoá bất đồng.

Bên dưới nói đến hai loại. “*Phật giới hoá thân, hiện Phật giới chi thân*”. Đây là nói về cõi thật báo. Chỉ có chư Phật Như Lai trong thường tịch quang mới ứng hoá ở cõi báo. Đây là “*Phật giới hoá thân*”. Dưới cõi phương tiện chính là trong mười pháp giới, đó là “*tùy loại hoá thân, tùy cửu giới chi loại nhi hiện kỳ thân*”. Thật ra trong chín giới, Phật cũng xem là Bồ Tát. Vì sao? Vì họ chưa kiến tánh. Phật trong mười pháp giới chưa kiến tánh, chưa phá vô minh. Cũng chính là nói kiến tư trần sa phiền não đã đoạn. Chẳng những đoạn, mà đến tập khí phiền não cũng đoạn hết, chỉ kém một chút là vô minh chưa phá. Phá được vô minh, họ thật sự là Phật. Vô minh chưa phá, Thiên Thai đại sư gọi họ là tương tợ tức Phật. Giống như Phật, nhưng không phải chân Phật, nên họ thuộc về Bồ Tát.

Trong Phật pháp gọi là cửu giới, thập giới, ý nghĩa thông suốt hơn. Trong mười pháp giới tùy loại hiện thân. Đây là loại thứ hai.

“*Di Đà Yếu Giải vân, kim vân A Di Đà Phật, chánh chỉ đồng cư độ trung thị sanh hoá Phật, nhưng phục tức báo tức pháp dã*”.

Đây chỉ rõ “Yếu Giải” do Ngẫu Ích Đại Sư viết. Lời Ngẫu Ích đại sư nói là chính xác. Trong kinh Di Đà nói Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là thân gì? Trong cõi đồng cư

nhìn thấy Phật A Di Đà “thị sanh hoá thân”. Giống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ở Ấn Độ 3000 năm trước. Chúng ta cũng gọi ngài là ứng thân, có bát tướng thành đạo. Trú thai, xuất thai, lớn lên theo năm tháng rồi đến trường đi học. Sau đó rời xa gia đình ra bên ngoài cầu học. Như Không Phu Tử đi chu du các nước, nhưng mục đích không giống nhau. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi chu du các nước là để cầu học. Nên tất cả các tôn giáo của xã hội Ấn Độ đương thời ngài đều học qua.

Trong kinh giảng về tứ thiên bát định là ngài học với Bà la môn. Ngoài tôn giáo ra, tất cả các học phái của Ấn Độ ngài cũng đều học hết. Ngài học suốt 12 năm như vậy, thật là quảng học đa văn. Khoảng đến năm 30 tuổi, biết được những học giả chuyên gia ngài đều đã gặp, muốn tìm nữa cũng không còn ai, nhưng vấn đề vẫn chưa được giải quyết. Dùng cách nói bây giờ để hình dung về Đức Thế Tôn thì ngài là người trẻ tuổi, thông minh, hiểu học. Tu tập đạt được tứ thiên bát định, đối với các việc trong lục đạo đều rất rõ ràng. Trên đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, dưới đến địa ngục A Tỳ, tất cả đều nhận biết được. Tận mắt nhìn thấy, tận tai nghe thấy, đều nhận biết được hết. Lục đạo từ đâu mà có, vì sao có lục đạo, ngoài lục đạo ra còn thế giới nào khác chăng? Những vấn đề này các tôn giáo đương thời không thể giải đáp, các học phái Ấn Độ cũng không cách nào giải đáp được.

Nên Đức Thế Tôn đã biểu diễn cho chúng ta thấy, ngài ngồi dưới cội bồ đề và buông bỏ hết sở học của mười hai năm đó. Vì sao? Không buông bỏ đó gọi là sở tri chướng, sẽ chướng ngại chúng ta được định, chướng ngại ta khai ngộ. 19 tuổi ngài rời xa gia đình là buồn bỏ phiền não chướng, cũng chính là ngài đã buông bỏ kiến tư phiền não. Năm 30 tuổi ngài buông bỏ trần sa phiền não. Nói cách khác, cuối cùng ngài buông bỏ được vô minh phiền não và nhập vào cảnh giới thiền định sâu hơn. Nhập vào tự tánh bản định, đây là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đến đây là đã thành Phật, đạt được cứu cánh viên mãn.

Nhưng thật sự đáng nể, thì Lục Tổ Huệ Năng thị hiện còn đáng nể hơn. Đức Thế Tôn buông bỏ ba giai đoạn chúng ta đều biết và có thể thấy. Còn ngài Huệ Năng đồng thời buông bỏ gọi là đốn xả, đốn siêu, đốn ngộ. Điều này nói lên rằng phàm phu thành Phật không khó. Khó chỗ nào? Khó ở chỗ khó phân ly khó xả bỏ. Thân tình khó phân ly, danh văn lợi dưỡng của thế gian khó xả bỏ. Khó là khó ở chỗ này. Nếu chúng ta nhìn thấu suốt, thì tất cả đều là giả không phải thật!

Trong Kinh Kim Cang nói rất hay, “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Nhất thiết hữu vi pháp, hữu vi pháp chính là pháp có sanh có diệt, nó như mộng huyễn như bọt nước. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Nói cho ta biết ba tâm bất khả đắc, đến hiện tượng tinh thần cũng không có. Thật sự nhìn thấu suốt, nên đã thật sự buông bỏ. Ngài Huệ Năng quá tuyệt vời, ngài đã thật sự nhìn thấu suốt nên ngài đã thật sự buông bỏ. Chỉ nghe mấy câu kinh ngài liền đại triệt đại ngộ, y bát của Ngũ Tổ hồng

Nhẫn liền truyền cho ngài. Năm đó ngài mới 24 tuổi, Đức Thế Tôn thị hiện thành Phật năm 30 tuổi. Đây đều là hiện thân thuyết pháp. Đây là chứng chuyên trong tam chuyên pháp luân mà trong giáo lý thường đề cập đến, đã chứng minh cho chúng ta thấy.

Trong Kinh Di Đà nói đến vãng sanh. Nếu một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày. Điều này Doãn Khả pháp sư đời nhà Tống đã chứng minh cho chúng ta, ngài chỉ niệm Phật ba ngày. Ba ngày ba đêm niệm Phật A Di Đà. Phật A Di Đà nói với pháp sư: người còn mười năm thọ mạng, đợi khi thọ mạng đến ta sẽ tiếp dẫn người. Doãn Khả pháp sư nói với ngài: Con không cần, con không cần mười năm thọ mạng đó, bây giờ con muốn đi. Phật A Di Đà nhận lời. Được! Ba ngày sau ta đến tiếp dẫn người. Ba ngày sau pháp sư thật sự vãng sanh, không hề bị bệnh. Điều này nói rõ niệm Phật từ một ngày đến bảy ngày thật sự được vãng sanh, đây là thật không phải giả. Vấn đề là ta có thật sự tin hay không. Có thật sự muốn vãng sanh thế giới Cực lạc không. Ở thế gian này không có chút lưu luyến nào. Ý niệm này có thể cảm ứng Phật A Di Đà.

Ta muốn vãng sanh tại sao Phật A Di Đà không đến? Vì đối với thế gian này ta còn lưu luyến. Đức Phật rất từ bi, theo nguyện vọng của chúng ta nên ngài không đến. Thật sự không còn ý niệm lưu luyến nào nữa, ngài liền đến ngay. Chẳng những có kinh văn, mà còn có những điển hình thực tế có thể chứng minh. Chúng ta thực sự hiểu rõ, đã tỉnh không còn mê hoặc. Một lòng xưng niệm Phật A Di Đà, chỉ cần bộ kinh này và một câu danh hiệu, nhất định trong một đời này thành Phật viên mãn. Buông bỏ phiền não chướng, buông bỏ sở tri chướng. Hai loại chướng ngại này không còn nữa, thì kiến tánh không khó.

Trong kinh xưng là Phật A Di Đà. Trong Kinh Di Đà và bộ kinh này đều như nhau. Tuy chỉ thị hiện hoá thân trong cõi đồng cư. Thân này chính là báo thân, chính là pháp thân. Một mà ba, ba mà một “*Vị kim kinh trung*”. Bây giờ trong kinh nói “*chánh tại thuyết pháp chi Phật, thị chỉ đồng cư độ trung thị sanh hoá thân Phật. Đồng thời tức thị báo thân Phật dữ pháp thân Phật, thử ngữ tinh diệu*”. Những lời nói này của Ngẫu Ích đại sư quá tuyệt diệu. Một thân tức là ba thân, chúng ta sẽ biết một cõi tức là ba cõi.

Trung Phong quốc sư người thời nhà Nguyên, ngài biên tập cuốn “Tam Thời Hệ Niệm”. Lời khai thị cũng do ngài viết, khai thị rất tinh diệu. Trong đó có câu: “Tâm ta tức là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta.. Tịnh độ là nơi này, nơi này là tịnh độ”. Không phải cũng chính là ý này sao? “*Nhất thân tức thị tam thân, nhất độ tức thị tứ độ, vô nhị vô biệt*”. Đây là thật không phải giả. Do phàm phu chúng ta nên không nhận ra mà thôi. Chúng ta chỉ biết ứng hoá thân, mà không biết báo thân, không biết pháp thân. Nếu là pháp thân thì đó chính là pháp thân Phật. Chính là Tỳ Lô Giá Na, là Phật A Di Đà.

“*Viên Trung Sao vân, tùy độ cảm kiến, tam thân hữu dị. Tùy cơ cảm kiến, tứ độ bất động*”. Viên Trung Sao do U Khê Đại sư trước tác, là một trong ba loại trước tác

nổi tiếng về kinh A Di Đà. Lịch đại tổ sư đều công nhận là những cuốn hay nhất. “Số Sao” của Liên Trì Đại sư. “Yếu Giải” của Ngẫu Ích đại sư. “Viên Trung Sao” của U Khê đại sư. Người thật sự học kinh Di Đà thì đây là những bộ kinh cần phải học. Tùy độ cảm kiến là tam thân không giống nhau. Thấy báo thân Phật trong cõi báo. Thấy pháp thân Phật trong cõi thường tịch quang. Thấy ứng thân Phật trong mười pháp giới y chánh trang nghiêm, có sai khác.

Tùy cơ cảm kiến là tùy chúng sanh, còn phàm phu chúng ta thì sao? Kiến giải của phàm phu về tứ độ không giống nhau. Cõi thường tịch quang không phải là cõi thật báo. Cõi thật báo không phải là cõi phương tiện. Cõi phương tiện không phải là cõi đồng cư. Gọi là tri kiến phàm phu. “*Thị cố nhược ư đồng cư*”, Vãng sanh vào trong cõi đồng cư. “*Đản kiến đồng cư bốn độ giả. Tắc thuyết pháp chi Phật, chỉ thị thị sanh hoá thân Phật*”. Nếu thấy cõi thật báo, chúng ta sẽ thấy báo thân Phật. Nếu thấy thường tịch quang, sẽ nhìn thấy pháp thân. Trên thực tế “*Phật chi tam thân thí như ma ni bảo châu. Châu thể, châu quang, châu ảnh*”. Đây là đem những thứ này làm ví dụ. Châu thể là ví dụ cho pháp thân, ánh sáng của châu ví cho báo thân, ảnh của châu ví như ứng hoá thân. “*Tam giả bất tương xả ly*”. Một tức là ba, ba tức là một.

Thật sự hiểu được điều này thị tâm chân thành cung kính tự nhiên được sanh khởi. Tâm không có phân biệt, không có chấp trước. Chân tâm sẽ thấy thật tướng. Từ một thân mà nhìn ba thân, ba thân viên mãn. Từ nhất độ nhìn tứ độ, tứ độ đều viên mãn. Từ đó cho thấy, tất cả những tướng sai biệt đều từ tâm phân biệt của chúng ta mà sanh ra. Các loại thân bất đồng đều từ tâm chấp trước của chúng ta sanh có. Nên khi xa rời vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì biến pháp giới hư không giới là một thể. Do đó chúng ta hiểu được, cảnh giới bên ngoài thật ra không có gì cả. Tất cả mọi vấn đề đều sinh ra từ bản thân chúng ta. Hoàn toàn là A lại da làm những việc trái ngược này.

A lại da là năng biến. Tứ độ là A lại da biến ra. Tam thân là do A lại da biến. A lại da là năng biến, mười pháp giới y chánh trang nghiêm là sở biến. Trong cõi thật báo không cần A lại da, nên chúng ta đối với cõi báo gọi là nhất chân pháp giới. Chỉ có nó là thật, ngoài ra đều là giả. Vì sao? Pháp thân Bồ Tát trong cõi báo đều đoạn tận tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Cũng chính là nói kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não đều đã đoạn sạch. Cảnh giới của họ toàn là hiện lượng cảnh giới của tự tánh thanh tịnh tâm.

Ba thân pháp thân, báo thân, ứng hóa thân cũng như vậy. Hoàn toàn giống với ví dụ mà chúng tôi vừa mới nói. Châu thể là ví dụ cho pháp thân. Châu quang là ví với báo thân. Châu ảnh ví với ứng hoá thân. “*Đồng cư hoành cụ thượng tam độ, diệc thị thử nghĩa*”. Thực tế mà nói cõi đồng cư, ngày nay chúng ta là cõi đồng cư, là cõi phàm thánh đồng cư của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nếu chúng ta hỏi cõi đồng cư này có đủ



thượng tam độ chẳng? Quý vị nghĩ xem đầy đủ hay không? Đương nhiên là đầy đủ. Vì sao? Không đầy đủ thì từ đâu mà có y chánh trang nghiêm?

Trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư nói rất rõ “*y nhất thể, khởi nhị dụng*”. Nhất thể tức là thường tịch quang. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể chính là thường tịch quang. Chính là pháp thân, pháp tánh thân, pháp tánh độ. Thân và độ không phải hai, thân và độ không phân khai được. Vì sao? Vì nó không có hiện tượng. Pháp thân vô tướng, cõi pháp tánh đương nhiên cũng vô tướng. Giống như câu thứ ba khi ngài Huệ Năng kiến tánh đã nói ra: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Nó không thiếu bất cứ thứ gì, nhưng nó không hiện tượng. Không hiện tượng vật chất, không hiện tượng tinh thần, cũng không hiện tượng tự nhiên. Nhất định phải gặp được duyên thì tướng này mới biến hiện ra, nên nó có thể hiện có thể sanh.

Câu sau cùng ngài Huệ Năng nói “đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp”. Có thể sanh này là chỉ điều gì? Là trực tiếp chỉ cõi thật báo trang nghiêm. Đương nhiên cũng bao gồm mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Không thoát ly được! Rồi thường tịch quang, rồi cõi thật báo thì không thể có A lại da. Vọng tâm là nương vào chân tâm mà biến hiện ra, nên vọng không rời chân. Nó như bóng người dưới ánh mặt trời vậy. Bóng đó có thể rời được thân ư? Không có thân thì bóng cũng không có. Bóng có thì thân đương nhiên cũng có. Điều này nói rõ, cõi của chúng ta ngày nay đầy đủ tứ độ. Thân bây giờ của chúng ta, tức là thân của chính mình cũng đầy đủ tam thân.

Thân hiện tại của chúng ta rất tệ, gọi là thân nghiệp báo. Thiện ác nghiệp, tạo thiện nghiệp thì thọ sanh vào trong tam thiện đạo. Tạo ác nghiệp thì thọ sanh vào trong tam ác đạo. Đây là thân nghiệp báo, là nghiệp báo trong lục đạo, mà còn là nhiễm ô nghiệp. Thiện ác đều là nhiễm ô nghiệp, tứ thánh pháp giới là tịnh nghiệp, không giống nhau. Chân tướng sự thật chẳng thể không hiểu rõ ràng.

“*Biểu thượng tam độ diệt tức tại đồng cư, cố vãng sanh Cực Lạc đồng cư, công đức thù thắng, bất khả tư nghì*”. Chúng ta sanh ở cõi đồng cư của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đối với hoàn cảnh cư trú rất mơ hồ, mê hoặc điên đảo. Nếu sanh vào cõi phàm thánh đồng cư của Phật A Di Đà thì sẽ rõ ràng thấu suốt. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh vãng sanh. Tâm tịnh tức quốc độ tịnh. Không phải tâm thanh tịnh thì không thể sanh về tịnh độ. Đây là điều kiện cơ bản. Đối nghiệp vãng sanh, vãng sanh đến niệm cuối cùng là niệm thanh tịnh. Niệm đó không thanh tịnh thì không thể vãng sanh, nên quan trọng nhất chính là niệm sau cùng. Niệm này quan trọng, liên quan đến đời sau của chúng ta. Nên con người sống ở đời phải nuôi dưỡng thiện tâm, tâm thiện lương. Đến lúc đi nhất định đi đến chỗ tốt.

Nếu có tham tâm, tham tâm thì đi vào đường ngã quý. Có tâm sân hận. Sân hận, oán hận, bất bình thì đi đến địa ngục. Ngu si, hồ đồ cái gì cũng không hiểu thì đi vào đường súc sanh. Niệm cuối cùng liên quan đến chúng ta đi vào con đường nào. Đây là

nói “*nghiệp lực cường giả tiên khiên*”. Nếu nghiệp lực mạnh thì nó dẫn dắt chúng ta đến con đường nào đó đi đầu thai. Điều này quan trọng hơn bất cứ điều gì. Tất cả đều do hàng ngày nuôi dưỡng thành thói quen, nên khi đi sẽ nắm chắc mình đi về đâu. Bây giờ quan trọng nhất là chúng ta nên nuôi dưỡng thói quen là niệm Phật A Di Đà. Trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, đến phút giây lâm chung, nhất định Phật A Di Đà sẽ đến tiếp dẫn.

Nên cần đọc nhuần nhuyễn kinh Vô Lượng Thọ, nghe nhiều kinh Vô Lượng Thọ, siêng năng niệm Phật A Di Đà. Những chuyện rắc rối lôi thôi đừng bận tâm, phải triệt để buông bỏ.

Hết giờ rồi hôm nay chúng ta học đến đây.

**HẾT TẬP 316**

Cắt bỏ 00:13:35 đến 00:15:33